Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)
Số 22 Ngô Quyền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Hotline: 1900 5555 92 | Website: PVcomBank.com.vn

PHỤ LỤC 07A: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Áp dụng từ ngày 01/01/2025)

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
I	**Dịch vụ SMS**											**A**
1	**Phí đăng ký dịch vụ SMS - Banking, SMS - Biến động số dư**	Miễn phí										
2	**Phí duy trì dịch vụ SMS - Banking, SMS - Biến động số dư**	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
3	**Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ SMS - Biến động số dư**	Miễn phí										
4	**Phí sử dụng dịch vụ SMS - Biến động số dư**											
4.1	Số lượng từ 1 SMS đến 15 SMS	12.000 VND	Miễn phí				12.000 VND				Số lượng SMS	
4.2	Số lượng từ 16 SMS đến 30 SMS	20.000 VND	Miễn phí				20.000 VND				Số lượng SMS	
4.3	Số lượng từ 31 SMS đến 60 SMS	40.000 VND	Miễn phí				40.000 VND				Số lượng SMS	
4.4	Số lượng từ 61 SMS trở lên	70.000 VND	Miễn phí				70.000 VND				Số lượng SMS	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
II	**Dịch vụ ngân hàng điện tử**											**A**
1	**Phí dịch vụ ngân hàng điện tử**											
1.1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
1.2	Phí khóa/mở khóa dịch vụ	Miễn phí										
1.3	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
1.4	Phí thay đổi SĐT đăng ký dịch vụ	Miễn phí										
1.5	Phí thay đổi hạn mức giao dịch	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
1.6	Phí cấp lại mật khẩu	Miễn phí										
1.7	Phí duy trì dịch vụ	5.000 VND	Miễn phí				5.000 VND				Khách hàng/ Tháng	
2	**Phí chuyển tiền trên kênh ngân hàng điện tử**											
2.1	Chuyển tiền trong hệ thống	Miễn phí										
2.2	Chuyển tiền ngoài hệ thống	Miễn phí										
3	**Phí thanh toán trực tuyến trên kênh ngân hàng điện tử**											
3.1	Thanh toán thẻ tín dụng PVcomBank	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
3.2	Thanh toán hóa đơn	Miễn phí										
3.3	Nạp tiền điện thoại	Miễn phí										
3.4	Thanh toán QRCode	Miễn phí										
3.5	Thanh toán học phí SSC qua mã QR	Mức phí cụ thể do Giám đốc Ngân Hàng số phê duyệt tại từng thời kỳ và được thông báo tới KH trước khi KH xác nhận thanh toán Tối đa: 15.000 VND										
4	**Dịch vụ PV-Auto Billing và PV-Auto Topup trên kênh ngân hàng điện tử**											
4.1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
4.2	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí										
4.3	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
4.4	Phí thay đổi thông tin đăng ký dịch vụ	Miễn phí										
5	**Liên kết/nạp ví SamSungPay**											
5.1	Phí đăng ký/duy trì dịch vụ liên kết thẻ ATM với ví SamSungPay	Miễn phí										
5.2	Phí nạp tiền SamSngPay	Miễn phí										
6	**Phí nạp tiền vào tài khoản điện tử**	0,3%									Số tiền giao dịch	
7	**Tài khoản Quỹ nhóm**											
7.1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
7.2	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí										
7.3	Phí tạm ngừng sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
7.4	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
7.5	Phí thay đổi thông tin Tài khoản Quỹ nhóm	Miễn phí										
7.6	Số dư duy trì tài khoản Quỹ nhóm	Không yêu cầu										
7.7	Phí sử dụng dịch vụ SMS Banking, SMS biến động số dư đối với Tài khoản Quỹ nhóm	Miễn phí										
8	**Phí tra soát giao dịch trên kênh NHĐT**											

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
8.1	Tra cứu trạng thái giao dịch Citad	Miễn phí										
8.2	Điều chỉnh thông tin lệnh chuyển tiền Citad	Miễn phí										
8.3	Đề nghị hoàn trả lệnh chuyển tiền Citad	Miễn phí										
8.4	Tra soát trạng thái giao dịch chuyển tiền IBFT	Miễn phí										
8.5	Xác nhận báo có giao dịch chuyển tiền IBFT	Miễn phí										
8.6	Hỗ trợ nhờ thu (chọn chuyển nhầm/ nghi ngờ lừa đảo) giao dịch chuyển tiền IBFT	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
8.7	Điều chỉnh nội dung giao dịch chuyển tiền IBFT	Miễn phí										
8.8	Tra soát trạng thái giao dịch Thanh toán hóa đơn	Miễn phí										
8.9	Tra soát trạng thái giao dịch nạp tiền điện thoại	Miễn phí										
8.10	Tra soát trạng thái giao dịch thanh toán qua mã QR VNPAY	Miễn phí										
8.11	Tra soát trạng thái giao dịch nạp tiền ví điện tử	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
III	**Phí dịch vụ thông báo biến động số dư và chi hộ trong nước trên kênh Ngân hàng số**											**A**
1	**Phí thông báo biến động số dư trên kênh ngân hàng số (có kết nối hệ thống)**											
1.1	Phí đăng ký dịch vụ	Miễn phí										
1.2	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí										
1.3	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
2	**Phí chi hộ**											
2.1	Phí đăng ký dịch vụ	Miễn phí										
2.2	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí										

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
2.3	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
2.4	Phí chi hộ trong hệ thống	Miễn phí										
2.5	Phí chi hộ ngoài hệ thống											
2.5.1	Số tiền giao dịch nhỏ hơn 500.000.000 VND	700 VND									1 giao dịch	
2.5.2	Số tiền giao dịch từ 500.000.000 VND trở lên	0,02% Tối đa 1.000.000 VND									Giá trị /1 giao dịch	
IV	**Dịch vụ PV - eCommerce**											**A**
1	Phí đăng ký dịch vụ	Theo phí Tin nhắn của nhà mạng viễn thông									SMS	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương	KH Hạng Bạch Kim	KH Hạng Vàng	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	G. Diamond	G. Platinum	G. Gold			
2	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí										
3	Phí khóa/mở khóa dịch vụ	Miễn phí										
4	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	Miễn phí										
5	Phí thay đổi/ thêm/ bớt số điện thoại đăng ký	Miễn phí										
6	Phí Thay đổi hạn mức giao dịch	Miễn phí										
7	Phí thanh toán trực tuyến	Miễn phí										

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.